

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-PT
Ngày 30 - 11 - 2017
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Liêm

Các Thẩm phán: Bà Cao Thị Huyền

Bà Nguyễn Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2017/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 226/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27 /2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày:

Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện vào ngày 07/9/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế vợ chồng không ổn định nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hòa. Hơn nữa, anh T không tin tưởng vợ, thường xuyên theo dõi, kìm cặp làm cho chị T thấy mất tự do. Vì vậy, chị T đã bỏ con về nhà cha mẹ để sống từ tháng 01/2017 cho đến nay. Trong thời gian này, anh T có động viên chị T về nhà sống nhưng chị T không đồng ý. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn không thể khắc phục nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Minh Q, sinh ngày 13/3/2016. Cháu Q hiện đang ở với chị T. Nguyên vọng của chị T sau khi ly hôn là được nuôi cháu Q và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 8/2017 đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như chị T đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế vợ chồng còn khó khăn nên vợ chồng có cãi vã nhau. Vì vậy, chị T bỏ con về nhà mẹ để sống từ đầu năm 2017 cho đến nay. Anh T cho rằng cuộc sống vợ chồng đôi lúc có khó khăn nhưng không đến mức trầm trọng nên đã cố gắng khắc phục khuyết điểm và nhiều lần đến khuyên nhủ, động viên nhưng chị T vẫn cố chấp, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh nhưng anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh T không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ chung sống.

Về con chung: Anh T cũng thống nhất như chị T đã trình bày. Anh T không đồng ý ly hôn. Nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng và anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 226/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Văn Minh Q, sinh ngày 13/3/2016 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Văn Minh Q mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2017 cho đến khi cháu Nguyễn Văn Minh Q đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/8/2017 Tòa án nhân dân thị xã Đ nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 226/2017/HNGĐ-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn T giữ nguyên đơn kháng cáo, anh T yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho gia đình anh được đoàn tụ. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm xử cho chị T được ly hôn thì anh T đồng ý giao con chung Nguyễn Văn Minh Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi trưởng thành và anh T đồng ý cấp dưỡng cho cháu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 226/2017/HNGĐ-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm xét thấy:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, HĐXX phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt chị T.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn T về việc xem xét lại toàn bộ bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 226/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ. HĐXX xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 07/9/2015. Theo chị T trình bày thì quá trình chung sống với anh T trong thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế vợ chồng không ổn định nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hòa. Hơn nữa, anh T không tin tưởng vợ, thường xuyên theo dõi, kìm cặp làm cho chị T thấy mất tự do. Chị T đã bỏ con về nhà cha mẹ để sống từ tháng 01/2017 cho đến nay. Về phía anh T thì cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Anh T xin đoàn tụ gia đình.

HĐXX nhận thấy: Anh T và chị T kết hôn từ năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 01/2017 chị T đã về sống với cha mẹ đẻ. Khi chị T về nhà cha mẹ đẻ sống thì anh T nhiều lần động viên chị T về nhà sống nhưng chị T không đồng ý. Việc anh T đã đến nhà cha mẹ đẻ chị T động viên nhiều lần cho thấy anh T đã có cố gắng trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn, chị T vẫn không muốn gắn kết lại tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho chị T được ly hôn với anh T là có căn cứ. Vì vậy, HĐXX phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh T, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung:

Trong thời gian chung sống với nhau anh T và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Minh Q, sinh ngày 13/3/2016, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi. Anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án xử cho ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Q và phù hợp theo quy định khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T đồng ý nếu Tòa án xử ly hôn thì anh cấp dưỡng cho cháu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, có cơ sở để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Đ.

[4] Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bị đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 226/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu T. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Anh T và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Minh Q, sinh ngày 13/3/2016. Giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Văn Minh Q, sinh ngày 13/3/2016 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) kể từ tháng 8/2017 cho đến khi cháu Nguyễn Văn Minh Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Thu T có các quyền và nghĩa vụ đối với con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên mà bên phải thi hành án chậm trả tiền thì

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008430 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008572 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thị xã Đ;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Xuân Liêm